

Bản án số: 50/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 03/6/2024
V/v “Ly hôn giữa anh M với chị K”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÐ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Tuấn Khanh.
2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.

- Thư ký phiên Tòa: Ông Trần Minh Quyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

Trong ngày 03 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công Ki vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 471/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 71/2024/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Phạm Văn M**, sinh năm 1984 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Cả Nhỏ, xã DT, huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

Anh M có đơn yêu cầu tòa án giải quyết vắng mặt đề ngày 03/5/2024.

* Bị đơn: **Đặng Thị K**, sinh năm 1980 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Cả Nhỏ, xã DT, huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 26/9/2023, bản tự Ki ngày 03/5/2024, nguyên đơn Phạm Văn M trình bày:

Anh Phạm Văn M với chị Đặng Thị K tiến tới hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, cưới nhau vào năm 2021 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã

ĐT vào năm 2021. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống có hạnh phúc nhưng đến tháng 3 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi nhau, chị K tự ý bỏ nhà đi, không trở về. Vợ chồng anh K, chị M đã sống ly thân từ tháng 03 năm 2023 cho đến nay. Hiện tại, tình cảm vợ chồng không còn, nên anh M yêu cầu ly hôn với chị Đặng Thị K.

Về nuôi con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn Đặng Thị K trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, chị K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng chị K đều vắng mặt không có lý do, mặc dù chị K vẫn còn đang sinh sống tại địa phương, nên không thu thập được lời Ki.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Phạm Văn M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; Bị đơn Đặng Thị K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Anh M và chị K cưới nhau vào năm 2021, trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐT nên quan hệ hôn nhân giữa anh M và chị K được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hàn gắn được. Hiện tại, ai cũng có cuộc sống riêng, không quan tâm đến nhau.

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cũng như lời Ki của anh M trong quá trình giải quyết vụ án xác định cuộc sống vợ, chồng giữa anh M với chị K phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được. Tòa án đã triệu tập anh M và chị K để hoà giải, nhằm tạo điều kiện cho hai bên có cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị K vắng mặt không lý do, đồng thời anh M cũng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt cho thấy hai bên đã không còn quan tâm và không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ đó, đủ cơ sở để xác định cuộc sống vợ chồng giữa anh M với chị

K đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của anh M là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Anh M Ki không có, chị K vắng mặt không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh M Ki không có, chị K vắng mặt không có ý kiến, yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Áp dụng quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Anh Phạm Văn M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ đơn yêu cầu ly hôn của anh Phạm Văn M đối với chị Đặng Thị K.

Cho ly hôn giữa anh Phạm Văn M với chị Đặng Thị K.

Quan hệ hôn nhân giữa anh Phạm Văn M với chị Đặng Thị K chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung: Không có.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Anh Phạm Văn M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh M đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm

ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007599 ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

Như vậy, anh Phạm Văn M đã nộp đủ án phí.

Các đương sự anh Phạm Văn M, chị Đặng Thị K vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện BĐ;
- Chi cục THADS huyện BĐ;
- UBND xã ĐT
(Số 25 ngày 19/4/2021);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Đăng Phi